

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 222 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 27 tháng 6 năm 2022

### **BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ**

**Về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách 06 tháng đầu năm và  
nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 06 tháng cuối năm 2022**

Kính gửi: Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Để phục vụ Hội nghị kiểm điểm công tác chỉ đạo điều hành 06 tháng đầu năm 2022. UBND tỉnh xin báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy một số nội dung chủ yếu về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách 06 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 06 tháng cuối năm 2022 như sau:

#### **I. VỀ THU NGÂN SÁCH**

Năm 2022, HĐND tỉnh giao chỉ tiêu: thu ngân sách là 11.048 tỷ đồng, (trong đó: thu nội địa là 10.998 tỷ đồng, thu xuất nhập khẩu là 50 tỷ đồng).

Ước tổng thu ngân sách 6 tháng đầu năm là 6.098 tỷ đồng, đạt 55,2% so dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 6,99% so cùng kỳ (05 tháng thu 5.578 tỷ đồng, đạt 50,5% dự toán). Trong đó: thu nội địa: 6.050 tỷ đồng, đạt 55% dự toán (nếu loại trừ tiền sử dụng đất và thu xổ số kiến thiết thì thu nội địa là 4.870 tỷ đồng, đạt 60,1% dự toán và tăng 17,3% so cùng kỳ); thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: ước thu 48 tỷ đồng, đạt 96% so dự toán, bằng 183,7% so cùng kỳ.

Có 07/15 khoản thu, sắc thuế đạt từ 50% trở lên so dự toán, gồm: doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 99,6%; khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh 74,3%; thuế thu nhập cá nhân 69%; thu lệ phí trước bạ 67,1%; phí và lệ phí 56,5%; thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 52,5%; thu từ hoạt động xổ số kiến thiết 50%. Tuy nhiên, có 08/15 khoản thu, sắc thuế đạt dưới 50% so với dự toán, gồm: doanh nghiệp Nhà nước Trung ương đạt 44,9%; doanh nghiệp Nhà nước địa phương 48,8%; tiền sử dụng đất 29,2%; tiền thuê đất 17,1%; thuế bảo vệ môi trường 34,6%; thu khác ngân sách 37,5%; thu cổ tức, lợi nhuận còn lại 2,7%; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 35%.

#### **II. VỀ CHI NGÂN SÁCH**

BAN NH.

HĐND tỉnh giao chỉ tiêu chi ngân sách là 15.363 tỷ đồng (trong đó: chi đầu tư phát triển là 5.124 tỷ đồng; chi thường xuyên là 9.949 tỷ đồng (bao gồm nguồn kinh phí Trung ương bổ sung)).

Ước tổng chi ngân sách 6 tháng 5.940,6 tỷ đồng, đạt 38,67% so dự toán (5 tháng tổng chi 4.701 tỷ đồng, đạt 30,6% so dự toán), trong đó: chi đầu tư phát triển: ước giải ngân vốn đầu tư công ước 6 tháng đầu năm 2022 là 1.410 tỷ đồng, đạt 27,52% so dự toán; chi thường xuyên ước 6 tháng là 4.453,8 tỷ đồng, đạt 44,8% so dự toán (thực hiện 5 tháng chi 3.769 tỷ đồng, đạt 37,9% so dự toán). Gồm: *chi cân đối ngân sách*: 4.422 tỷ đồng, đạt 44,8% so dự toán; *chi sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu*: 31,8 tỷ đồng, đạt 40% so dự toán.

### **III. DỰ KIẾN THU, CHI NGÂN SÁCH CẢ NĂM 2022**

#### **1. Về thu ngân sách**

Trên cơ sở thu 6 tháng đầu năm và rà soát nguồn thu; dự kiến tổng thu ngân sách năm 2022 là 11.474 tỷ đồng, đạt 103,9% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 8,3% dự toán Trung ương giao. Bao gồm: các khoản thu nội địa: 11.409 tỷ đồng, đạt 103,7% so với dự toán HĐND tỉnh giao (nếu loại trừ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết thì dự kiến thu nội địa 8.509 tỷ đồng, đạt 105,1% dự toán, tương ứng tăng thu 411 tỷ đồng); thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: ước thu 65 tỷ đồng, đạt 130% so dự toán, tăng 15 tỷ đồng.

#### **2. Về chi ngân sách**

Dự kiến tổng chi ngân sách năm 2022 là 15.289,5 tỷ đồng, đạt 99,5% so dự toán HĐND tỉnh giao. Cụ thể như sau: chi đầu tư phát triển: 5.050,6 tỷ đồng (bao gồm vốn Trung ương bổ sung), đạt 98,56% so dự toán (dự kiến vốn đầu tư trong cân đối ngân sách là 3.856,9 tỷ đồng, đạt 98,12% so dự toán; vốn đầu tư Trung ương bổ sung là 1.193,7 tỷ đồng, đạt 100% so dự toán). Chi thường xuyên: 9.948,9 tỷ đồng, đạt 100% dự toán (gồm: chi cân đối ngân sách địa phương 9.869,4 tỷ đồng; chi sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu 79,5 tỷ đồng).

### **III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

#### **1. Ưu điểm**

Với sự lãnh đạo chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo sát sao, kịp thời, điều hành quyết liệt thu, chi, góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2022.

Tình hình kinh tế trong nước tiếp tục ổn định, đang trên đà phục hồi và tăng trưởng tích cực. Dịch Covid-19 trong tỉnh đã được kiểm soát chặt chẽ, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Kết quả, ước tổng thu ngân sách 6 tháng đầu năm đạt 55,2% so dự toán HĐND tỉnh giao (đạt 106,9% so cùng kỳ). Về chi ngân sách, các nhiệm vụ chi ngân sách 6 tháng đầu năm được thực hiện theo dự toán và tiến độ triển khai nhiệm vụ chuyên môn của các đơn vị sử dụng ngân sách, đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ chính trị quan trọng.

Giải ngân vốn đầu tư công tuy còn thấp nhưng có tăng so với cùng kỳ, đạt 2,60%.

**2. Hạn chế:** một số khoản thu nội địa đạt thấp dưới 50% so dự toán, như thuế bảo vệ môi trường đạt 34,6%, thu tiền sử dụng đất đạt 29,2%; thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước chỉ đạt 17,1% so dự toán; bên cạnh đó, một số khoản chi chưa đạt dự toán như: chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo 1.648 tỷ đồng, đạt 43,9%; chi sự nghiệp kinh tế 600 tỷ đồng, đạt 30,9%; chi sự nghiệp khoa học công nghệ 16,139 tỷ đồng, đạt 28,9%.

### **3. Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế**

a) Về thu ngân sách: một số khoản thu không đạt tiến độ là do vẫn còn ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của một số ngành, lĩnh vực chậm phục hồi; lĩnh vực xây dựng cơ bản chậm giải ngân. Bên cạnh đó, do thực hiện các chính sách về các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh của Quốc hội và Chính phủ như chính sách miễn, giảm, gia hạn nộp thuế đã làm giảm nguồn thu trong 6 tháng đầu năm; giá cả một số hàng hóa đầu vào tăng, nhất là giá xăng dầu, nguồn nhân lực lao động thiếu hụt cục bộ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và người dân; một số dự án có nguồn thu lớn trên địa bàn thành phố Phú Quốc chưa hoàn chỉnh hồ sơ để trình ban hành giá giao đất, cho thuê đất...

b) Về chi ngân sách: do các cơ quan, đơn vị, địa phương mới bắt đầu triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao như: đào tạo của ngành, địa phương; chậm triển khai về công tác chuẩn bị đầu tư; thẩm định thiết kế - dự toán và thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật; lựa chọn nhà thầu...; một số đề án, chương trình của ngành lâm nghiệp, nông nghiệp, giao thông... cũng đang trong giai đoạn chuẩn bị triển khai;

## **IV. GIẢI PHÁP CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH 6 THÁNG CUỐI NĂM**

### **1. Về thu ngân sách:**

UBND tỉnh tiếp tục bám sát và chỉ đạo phân đầu đạt mức cao nhất nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2022 đã đề ra, đồng thời 6 tháng cuối năm cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ như sau:

- Các cơ quan thuế, hải quan rà soát, triển khai thu ngay các khoản thu phát sinh, khai thác nguồn thu, thanh tra, kiểm tra chống thất thu. Tiếp tục rà soát, theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình sản xuất kinh doanh của người nộp thuế thuộc phạm vi ảnh hưởng của dịch bệnh, tổ chức đánh giá, xác định cụ thể mức độ ảnh hưởng của dịch Covid-19 gây ra đến từng ngành, lĩnh vực, từng người nộp thuế, tổng hợp mức độ ảnh hưởng đến thu ngân sách.

- Dự báo nguồn thu phát sinh từng tháng, quý trên địa bàn và thực hiện các giải pháp, chính sách hỗ trợ cho người nộp thuế đang gặp khó khăn do dịch bệnh để kịp thời tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua giai đoạn dịch bệnh, nuôi dưỡng và tạo nguồn tăng thu cho ngân sách Nhà nước. Đặc biệt, cần tập trung chỉ đạo thu các khoản thu, sắc thuế còn đạt thấp và đảm bảo thu nội địa trừ tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết đạt dự toán.

- Bên cạnh đó, để tạo điều kiện phân đầu thu đạt dự toán tiền sử dụng đất và tiền thuê đất năm 2022, UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành liên quan, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, UBND các huyện, thành phố đẩy nhanh tiến độ giao đất, khẩn trương tham mưu trình UBND tỉnh ban hành giá giao đất, cho thuê đất; tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất; thông báo nghĩa vụ tài chính kịp thời;...

## 2. Về chi ngân sách

- Tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán được giao. Tiếp tục điều hành chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, nhất là giảm chi đối với những khoản chi không thực sự cần thiết.

- Tập trung thực hiện giải ngân tốt nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ; kinh phí sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; các chương trình, dự án, đề án đã được giao dự toán, nhất là lĩnh vực khoa học công nghệ.

- Chủ động sử dụng dự phòng và nguồn lực tại chỗ để chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; chi phòng, chống dịch Covid-19; chi nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác mà chưa được dự toán.

- Tiếp tục tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả và kịp thời các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn, ổn định và phát triển thị trường lao động, đảm bảo đời sống an sinh xã hội. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chi hỗ trợ của các địa phương theo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là một số nội dung chủ yếu về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách 06 tháng đầu năm và giải pháp chỉ đạo điều hành 06 tháng cuối năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh xin báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy. / *gccc*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thành viên UBND tỉnh;
- các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nkguyen.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
Nguyễn Thanh Nhân

KIÊN GIANG

## Phụ lục I

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 222 /BC-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021	DỰ TOÁN NĂM 2022		Ước Thực hiện 6 tháng năm 2022	Số tăng (+), giảm (-) trong năm	Trong đó		Ước thực hiện cả năm 2022	So sánh (%)			
			Trung ương giao	Hội đồng nhân dân tỉnh giao			Ước thực hiện 6 tháng so (%)			Ước thực hiện cả năm so (%)			
							Cùng kỳ năm 2021	Dự toán Hội đồng nhân dân		Dự toán Hội đồng nhân dân	Dự toán Trung ương giao		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=6/5	13=10/5	14=10/4
	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)</b>	5.699.622	10.598.000	11.048.000	6.098.000	426.000	797.000	(371.000)	11.474.000	107,0	55,2	103,9	108,2
<b>I</b>	<b>THU NỘI ĐỊA</b>	5.673.495	10.548.000	10.998.000	6.050.000	411.000	782.000	(371.000)	11.409.000	106,6	55,0	103,74	108,2
	<i>Trong đó: Thu nội địa trừ tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết</i>	4.151.405	8.098.000	8.098.000	4.870.000	411.000	782.000	(371.000)	8.509.000	117,3	60,1	105,1	105,1
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương	246.656	490.000	490.000	220.000	(85.000)	-	(85.000)	405.000	89,2	44,9	82,7	82,7
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	97.456	205.000	205.000	100.000	(10.000)	-	(10.000)	195.000	102,6	48,8	95,1	95,1
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	137.868	275.000	275.000	274.000	85.000	85.000	-	360.000	198,7	99,6	130,9	130,9
4	Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh	1.802.814	3.693.000	3.693.000	2.745.000	477.000	477.000	-	4.170.000	152,3	74,3	112,9	112,9
5	Lệ phí trước bạ	215.949	380.000	380.000	255.000	100.000	100.000	-	480.000	118,1	67,1	126,3	126,3
6	Thuế thu nhập cá nhân	605.515	1.050.000	1.050.000	725.000	120.000	120.000	-	1.170.000	119,7	69,0	111,4	111,4
7	Thu phí và lệ phí	106.778	170.000	170.000	96.000	-	-	-	170.000	89,9	56,5	100,0	100,0
8	Thuế bảo vệ môi trường	273.642	280.000	280.000	97.000	(120.000)	-	(120.000)	160.000	35,4	34,6	57,1	57,1
9	Thu tiền sử dụng đất	359.576	1.000.000	1.300.000	380.000	-	-	-	1.300.000	105,7	29,2	100,0	130,0
10	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	399.078	1.000.000	1.109.000	190.000	-	-	-	1.109.000	47,6	17,1	100,0	110,9
11	Thu khác	223.972	499.000	390.000	146.250	(152.000)	-	(152.000)	238.000	65,3	37,5	61,0	47,7
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	28.999	40.000	40.000	21.000	-	-	-	40.000	72,4	52,5	100,0	100,0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận còn lại	11.987	15.000	15.000	400	(4.000)	-	(4.000)	11.000	3,3	2,7	73,3	73,3

STT	Nội dung	THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021	DỰ TOÁN NĂM 2022		Ước Thực hiện 6 tháng năm 2022	Số tăng (+), giảm (-) trong năm	Trong đó		Ước thực hiện cả năm 2022	So sánh (%)			
			Trung ương giao	Hội đồng nhân dân tỉnh giao			Tăng	Giảm		Ước thực hiện 6 tháng so (%)		Ước thực hiện cả năm so (%)	
										Cùng kỳ năm 2021	Dự toán Hội đồng nhân dân	Dự toán Hội đồng nhân dân	Dự toán Trung ương giao
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=6/5	13=10/5	14=10/4
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.162.514	1.450.000	1.600.000	800.000	-	-	-	1.600.000	68,8	50,0	100,0	110,3
15	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	691	1.000	1.000	350	-	-	-	1.000	50,7	35,0	100,0	100,0
<b>II</b>	<b>THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU</b>	<b>26.127</b>	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>	<b>48.000</b>	<b>15.000</b>	<b>15.000</b>	<b>-</b>	<b>65.000</b>	<b>183,7</b>	<b>96,0</b>	<b>130,0</b>	<b>130,0</b>

**Phụ lục II**

**TÌNH HÌNH CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số 222 /BC-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2022		Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm 2022	Tăng (giảm) tuyệt đối	So sánh (%)		
		Số Trung ương giao	Hội đồng nhân dân tỉnh giao				Ước thực hiện 6 tháng so dự toán HĐND tỉnh năm 2022	Dự toán HĐND tỉnh năm 2022	Dự toán Trung ương giao năm 2022
1	2	3	4	5	6	7=6-4	8=5/4	9=6/4	10=6/3
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>14.913.341</b>	<b>15.363.341</b>	<b>5.940.651</b>	<b>15.289.549</b>	<b>(73.792)</b>	<b>38,67</b>	<b>99,5</b>	<b>102,5</b>
	<i>Trong đó: - Vốn đầu tư phát triển</i>	<i>4.674.419</i>	<i>5.124.419</i>	<i>1.410.226</i>	<i>5.050.627</i>	<i>(73.792)</i>	<i>27,52</i>	<i>98,56</i>	<i>108,0</i>
	<i>- Vốn sự nghiệp</i>	<i>9.965.302</i>	<i>9.948.899</i>	<i>4.453.785</i>	<i>9.948.899</i>	<i>-</i>	<i>44,8</i>	<i>100,0</i>	<i>99,8</i>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>13.640.095</b>	<b>14.090.095</b>	<b>5.537.735</b>	<b>14.016.303</b>	<b>(73.792)</b>	<b>39,3</b>	<b>99,5</b>	<b>102,8</b>
<b>I</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>3.480.690</b>	<b>3.930.690</b>	<b>1.039.117</b>	<b>3.856.898</b>	<b>(73.792)</b>	<b>26,4</b>	<b>98,12</b>	<b>110,8</b>
1	Vốn trong nước	1.019.590	1.019.590	327.269	999.538	(20.052)	32,10	98,03	98,0
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.000.000	1.300.000	190.858	1.246.290	(53.710)	14,68	95,87	124,6
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.450.000	1.600.000	509.890	1.599.970	(30)	31,87	100,00	110,3
4	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	11.100	11.100	11.100	11.100	-	100,00	100,00	100,0
<b>II</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>9.885.785</b>	<b>9.869.382</b>	<b>4.421.978</b>	<b>9.869.382</b>	<b>-</b>	<b>44,8</b>	<b>100,0</b>	<b>99,8</b>
	<i>Trong đó:</i>								
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.737.095	3.757.094	1.648.317	3.757.094	-	43,9	100,0	100,5
2	Chi sự nghiệp y tế	1.041.466	1.132.887	598.892	1.132.887	-	52,9	100,0	108,8
3	Chi quản lý hành chính Nhà nước, Đảng, đoàn thể	1.256.691	1.642.623	813.672	1.642.623	-	49,5	100,0	130,7



STT	CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2022		Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm 2022	Tăng (giảm) tuyệt đối	So sánh (%)		
		Số Trung ương giao	Hội đồng nhân dân tỉnh giao				Ước thực hiện 6 tháng so dự toán HĐND tỉnh năm 2022	Ước thực hiện cả năm 2022 so	
								Dự toán HĐND tỉnh năm 2022	Dự toán Trung ương giao năm 2022
1	2	3	4	5	6	7=6-4	8=5/4	9=6/4	10=6/3
4	Chi quốc phòng - an ninh	355.355	293.908	159.294	293.908	-	54,2	100,0	82,7
5	Chi khoa học và công nghệ	35.652	55.860	16.139	55.860	-	28,9	100,0	156,7
6	Chi sự nghiệp kinh tế	1.818.424	1.938.737	599.773	1.938.737	-	30,9	100,0	106,6
7	Chi sự nghiệp môi trường	91.226	270.750	76.802	270.750	-	28,4	100,0	296,8
III	<b>CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH</b>	<b>1.040</b>	<b>1.040</b>		<b>1.040</b>	-	<b>0,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
IV	<b>DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH</b>	<b>272.580</b>	<b>288.983</b>	<b>76.640</b>	<b>288.983</b>	-	<b>26,5</b>	<b>100,0</b>	<b>106,0</b>
B	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	<b>1.273.246</b>	<b>1.273.246</b>	<b>402.916</b>	<b>1.273.246</b>	-	<b>31,6</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
I	<b>VỐN ĐẦU TƯ</b>	<b>1.193.729</b>	<b>1.193.729</b>	<b>371.109</b>	<b>1.193.729</b>	-	<b>31,1</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
1	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn ngoài nước	99.011	99.011	33.500	99.011	-	33,8	100,0	100,0
2	Đầu tư dự án từ nguồn vốn trong nước	1.094.718	1.094.718	337.609	1.094.718	-	30,8	100,0	100,0
II	<b>VỐN SỰ NGHIỆP</b>	<b>79.517</b>	<b>79.517</b>	<b>31.807</b>	<b>79.517</b>	0	<b>40,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
1	Vốn ngoài nước	3.200	3.200	1.280	3.200	-		100,0	100,0
2	Vốn trong nước	76.317	76.317	30.527	76.317	-		100,0	100,0
B	<b>CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>		-						
I	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC SỬ DỤNG</b>	<b>14.902.241</b>	<b>15.352.241</b>	-	<b>15.946.251</b>	-			
1	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp	10.264.510	10.714.510		11.308.520				
2	Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương	4.637.731	4.637.731	-	4.637.731	-			
2.1	Thu bổ sung cân đối	3.364.485	3.364.485		3.364.485				
2.2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.273.246	1.273.246		1.273.246				

